

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP ANH TÂM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP ANH TÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANH TAM GENERAL TRADE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY ANH TÂM

2. Mã số doanh nghiệp: 2400852429

3. Ngày thành lập: 18/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Yên Hồng, Xã Yên Lư, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0988515808

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác và thu gom than non	0520
2.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
3.	Sản xuất sợi	1311
4.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
5.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
6.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
7.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
8.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
9.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
10.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
11.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
12.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
13.	Phá dỡ	4311
14.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
18.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
19.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
20.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
21.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
22.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

23.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
24.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
25.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
26.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
27.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Hoạt động cầm đồ, cho vay tài chính không liên quan đến ngân hàng.	6492
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
29.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
30.	Sản xuất giày, dép	1520
31.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
32.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
33.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
34.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
35.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
36.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất pallet gỗ, gỗ bóc, viên nén gỗ, mùn cưa.	1629(Chính)
37.	Trồng cây hàng năm khác	0119
38.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
39.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
40.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
41.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn đồ điện tử, điện lạnh.	4649
42.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, viên nén gỗ, naphtha và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
43.	Khai thác gỗ	0220
44.	Thu nhập lâm sản khác trừ gỗ	0232
45.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
46.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
47.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899

48.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
49.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
50.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
51.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
52.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
53.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh máy công trình.	4659
55.	Bán buôn đồ uống	4633
56.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
57.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
58.	Trồng cây lâu năm khác	0129
59.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
60.	Chăn nuôi gia cầm	0146
61.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
62.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
63.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
64.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
65.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
66.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
67.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
68.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
69.	Bốc xếp hàng hóa	5224
70.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu hàng hoá công ty kinh doanh và sản xuất	8299
73.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
74.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
75.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

